

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5- LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày 11-9-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5- LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nông Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thịnh;

2. Bà Nông Bích Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Nhật Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2025/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 7 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ven Thị B, sinh năm 1996, đăng ký thường trú tại: Thôn B, xã M, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Bản L, xã C, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nông Văn Q, sinh năm 1992, đăng ký thường trú và chỗ ở tại: Thôn B, xã M, tỉnh Lạng Sơn. Hiện chấp hành án tại: Đội 4, khu lao động dạy nghề Đ - thuộc trại giam N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 20/7/2025 và các lời khai sau đó nguyên đơn chị Ven Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn, chị và anh Nông Văn Q có được tự do tìm hiểu nhau trong thời gian ngắn. Anh chị tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 27/02/2019 (nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Lạng Sơn). Vợ chồng chung sống hạnh phúc

một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Nông Văn Q không tú chí làm ăn, thường xuyên cờ bạc, rượu say rồi chửi bới, đánh đập chị. Mặc dù kinh tế gia đình rất khó khăn nhưng chỉ riêng chị gách vác, lo toan. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Nông Văn Q không thay đổi. Năm 2020, chị mang theo cả 02 (hai) con về nhà bố đẻ tại bản L, xã C, tỉnh Nghệ An sinh sống. Sau đó anh Nông Văn Q vi phạm pháp luật và đi chấp hành án ở trại giam N, tỉnh Bắc Ninh. Từ năm 2020 đến nay, chị và anh Nông Văn Q sống ly thân, không liên lạc, không còn quan tâm gì nhau. Nay, chị Ven Thị B xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể chung sống với nhau được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Văn Q.

Về con chung: Chị Ven Thị B và anh Nông Văn Q có 02 (hai) con chung là cháu Nông Thị N, sinh ngày 19/10/2015 và cháu Nông Thị Kỳ D, sinh ngày 31/5/2019. Từ năm 2020 đến nay, cả 02 (hai) con đều sống cùng chị Ven Thị B tại nhà bố đẻ của chị ở bản L, xã C, tỉnh Nghệ An. Tuy anh Nông Văn Q đứng tên khai sinh là cha cho cháu Nông Thị N sinh ngày 19/10/2015 nhưng không có quan hệ huyết thống cha con với cháu Nông Thị N. Chị Ven Thị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 (hai) con chung là cháu Nông Thị N, sinh ngày 19/10/2015 và cháu Nông Thị Kỳ D, sinh ngày 31/5/2019 đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Ven Thị B không yêu cầu anh Nông Văn Q cấp dưỡng nuôi con.

Chị Ven Thị B làm nông nghiệp cùng gia đình có thu nhập khoảng 6.000.000 đồng-7.000.000 đồng/tháng, có chỗ ở tại nhà bố đẻ là ông Ven Đài H, địa chỉ: Bản L, xã C, tỉnh Nghệ An; được bố đẻ tạo điều kiện chỗ ở cho 3 mẹ con. Chị đảm bảo mình đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt cho các con. Hiện nay, cháu Nông Thị N, sinh ngày 19/10/2015 hiện đang học lớp 5 tại trường Tiểu học xã C, tỉnh Nghệ An. Cháu Nông Thị Kỳ D, sinh ngày 31/5/2019 đang học tại trường mầm non Bản L, xã C, tỉnh Nghệ An.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nông Văn Q trình bày về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, về con chung như chị Ven Thị B trình bày là đúng. Vợ chồng có mâu thuẫn là do anh vi phạm pháp luật và đang chấp hành án hình phạt tù nên vợ chồng xa cách, tình cảm lạnh nhạt, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Nay, chị Ven Thị B yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm và không đồng ý để chị Ven Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nông Thị Kỳ D, sinh ngày 31/5/2019 đến khi con đủ 18 tuổi đến khi con đủ 18 tuổi. Anh không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nông Thị N, sinh ngày 19/10/2015. Anh không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Vợ chồng không vay nợ ai.

Tại bản tự khai, cháu Nông Thị N trình bày nguyện vọng được sống cùng với mẹ là chị Ven Thị B.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo kết quả phiên họp công khai

chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn anh Nông Văn Q. Anh Nông Văn Q không tham gia tố tụng và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Ven Thị B và bị đơn anh Nông Văn Q vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Ven Thị B và anh Nông Văn Q kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã M, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày 27/02/2019 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn tình cảm, không quan tâm, yêu thương nhau. Vì vậy, chị Ven Thị B yêu cầu ly hôn với anh Nông Văn Q là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Ven Thị B được ly hôn với anh Nông Văn Q. Về con chung: Chị Ven Thị B và anh Nông Văn Q có 02 (hai) con chung là cháu Nông Thị N, sinh ngày 19/10/2015 và cháu Nông Thị Kỳ D, sinh ngày 31/5/2019 đều đang sống cùng chị Ven Thị B. Cháu Nông Thị N, sinh ngày 19/10/2015 có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị Ven Thị B. Chị Ven Thị B có đủ điều kiện nuôi con chung. Anh Nông Văn Q có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nông Thị Kỳ D, sinh ngày 31/5/2019 nhưng đang chấp hành án hình phạt tù tại trại giam N nên không đảm bảo điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai con chung là cháu Nông Thị N, sinh ngày 19/10/2015 và cháu Nông Thị Kỳ D, sinh ngày 31/5/2019 cho chị Ven Thị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh Nông Văn Q chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Ven Thị B không yêu cầu. Anh Nông Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Về tài sản chung, nợ chung: Không có; đề nghị không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn chị Ven Thị B được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Ven Thị B và bị đơn anh Nông Văn Q vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nông Văn Q cư trú tại thôn B, xã M, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn). Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ven Thị B và anh Nông Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã M, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày 27/02/2019. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Ven Thị B và anh Nông Văn Q là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Vợ chồng sống ly thân năm 2020 đến nay và không ai có hành động hàn gắn tình cảm. Chị Ven Thị B yêu cầu ly hôn, anh Nông Văn Q không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Ven Thị B và anh Nông Văn Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Ven Thị B là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Ven Thị B và anh Nông Văn Q có 02 (hai) con chung là cháu Nông Thị N, sinh ngày 19/10/2015 và cháu Nông Thị Kỳ D, sinh ngày 31/5/2019 đều đang sống cùng chị Ven Thị B. Cháu Nông Thị N, sinh ngày 19/10/2015 có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị Ven Thị B. Chị Ven Thị B có chỗ ở, việc làm ổn định, có đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh Nông Văn Q không có ý kiến về việc nuôi dưỡng cháu Nông Thị N, sinh ngày 19/10/2015, anh có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nông Thị Kỳ D, sinh ngày 31/5/2019 đến khi trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị Ven Thị B có việc làm, có thu nhập và chỗ ở đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con, anh Nông Văn Q hiện đang chấp hành án hình phạt tù tại trại giam N, không bảo đảm điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục tốt cho con chung. Vì vậy để bảo đảm sự phát triển toàn diện cho trẻ em, Hội đồng xét xử giao cả 02 (hai) con chung là cháu Nông Thị N, sinh ngày 19/10/2015 và cháu Nông Thị Kỳ D, sinh ngày 31/5/2019 cho chị Ven Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nông Văn Q chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Ven Thị B không yêu cầu. Anh Nông Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ven Thị B và anh Nông Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, không vay nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Ven Thị B được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ven Thị B được ly hôn với anh Nông Văn Q. (*Giấy chứng nhận kết hôn số 11, đăng ký ngày 27/02/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã M, tỉnh Lạng Sơn)*).

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là cháu Nông Thị N, sinh ngày 19/10/2015 và cháu Nông Thị Kỳ D, sinh ngày 31/5/2019 cho chị Ven Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Nông Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Ven Thị B không yêu cầu. Anh Nông Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Ven Thị B được miễn nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5- Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã M;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Huyền Trang

